

**DANH SÁCH ĐIỂM KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP****Ngành: Quản lý đất đai**

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Kỹ năng 1: Quản lý địa chính				Kỹ năng 2: Đo đạc và quản lý công tác đo đạc				Kỹ năng 3: Ứng dụng các phần mềm chuyên ngành				ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
				Điểm KT		Thi	TK	Điểm KT		Thi	TK	Điểm KT		Thi	TK			
				TX	GK			TX	GK			TX	GK					
1	3015070002	Nguyễn Bình An	30/08/2003	10	10	10	10.0	10	8	6.5	7.7	6	7	5	5.8	7.82	Bình	
2	3015070017	Nguyễn Đỗ Thanh Danh	28/10/1993	10	10	10	10.0	10	9	6	7.7	9	7.5	8	8.1	8.58	Giỏi	
3	3015070027	Nguyễn Thành Đô	18/11/1999	10	10	10	10.0	10	8	7	7.9	9	7	9	8.4	8.77	Giỏi	
4	3015070003	Nguyễn Thị Mỹ Dung	18/09/2000	10	10	10	10.0	10	9	9	9.2	8	8.5	8	8.2	9.12	Giỏi	
5	3015070026	Nguyễn Hiếu Dương	31/05/1999	10	10	10	10.0	10	9	9.5	9.5	9	8	9	8.7	9.38	Giỏi	
6	3015070022	Trương Phúc Duy	24/04/2004	10	10	10	10.0	10	8	8	8.4	9	8	9	8.7	9.03	Giỏi	
7	3016070006	Trần Anh Thái Duy	28/06/2005	10	9	9	9.2	10	9	7.5	8.5	9	8	8.5	8.5	8.70	Giỏi	
8	3015070013	Huỳnh Trung Hiếu	08/12/2004	10	10	10	10.0	10	8	6	7.4	9	8	9	8.7	8.70	Giỏi	
9	3015070021	Đoàn Huy Huyền	25/01/2003	10	8	8	8.4	8	8	7	7.5	6	8	7	7.1	7.67	Khá	
10	3015070016	Phạm Tuấn Khôi	20/12/1993	10	10	10	10.0	8	8	7	7.5	6	8	7	7.1	8.20	Giỏi	
11	3015070023	Phạm Tấn Lộc	21/01/2003	10	10	10	10.0	10	8	7.5	8.2	9	8	9	8.7	8.95	Giỏi	
12	3015070011	Võ Quốc Mạnh	07/05/1999	10	10	10	10.0	8	8	5.5	6.8	7	8.5	8	8.0	8.23	Khá	
13	3015070012	Trần Thái Ngọc	27/09/2003	9	9	9	9.0	10	9	6	7.7	7	7.5	8	7.7	8.12	Giỏi	
14	3016070007	Hồ Trọng Phúc	25/06/2005	10	10	10	10.0	10	9	7.5	8.5	9	8	8	8.2	8.88	Giỏi	
15	3015070008	Lê Thông Sắc	03/06/2003	10	10	10	10.0	10	8	7	7.9	9	7	9	8.4	8.77	Giỏi	
16	3016070013	Huỳnh Văn Thanh	01/08/2004	9	6	5	6.1	10	9	7	8.2	8	8	8	8.0	7.43	Khá	
17	3015070006	Nguyễn Đình Thiện	18/02/2003	10	10	10	10.0	10	8	5.5	7.2	9	8.5	5	6.9	8.00	Khá	
18	3015070005	Trần Khang Thịnh	18/05/2004	10	10	10	10.0	10	8	7	7.9	8	8	10	9.0	8.97	Giỏi	
19	3015070009	Vũ Ngọc Thơm	31/03/2000	10	10	10	10.0	10	9	8	8.7	6	7.5	9	8.0	8.88	Giỏi	
20	3015070015	Lê Thị Minh Thư	04/05/2004	10	10	10	10.0	10	9	8	8.7	9	8	9	8.7	9.13	Giỏi	
21	3015070010	Trần Văn Trọng	21/04/2004	9	8	8	8.2	8	8	5.5	6.8	8	8.5	6	7.2	7.37	Khá	
22	3015070019	Mai Thanh Trúc	27/12/2003	10	10	10	10.0	10	9	7.5	8.5	9	8	6	7.2	8.55	Giỏi	
23	3015070004	Lê Anh Tuấn	30/04/1998	10	10	10	10.0	10	8	9	8.9	8	7.5	8	7.9	8.92	Giỏi	
24	3015070007	Nguyễn Hùng Vương	27/04/2004	10	10	10	10.0	10	8	6.5	7.7	9	8	7	7.7	8.45	Giỏi	

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 7 năm 2025

Phòng Đào tạo